

TẠO LẬP NGUỒN VỐN CHO PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Cảnh Hiệp

Tóm tắt: Bài viết này nghiên cứu thực trạng tạo lập nguồn vốn cho phát triển hoạt động tín dụng chính sách xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua. Thông qua phân tích biến động về quy mô và tỷ trọng các nguồn vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội từ khi thành lập đến nay, bài viết chỉ ra những ưu điểm cũng như hạn chế chủ yếu của nguồn vốn phục vụ các chương trình tín dụng chính sách xã hội mà ngân hàng này được giao thực hiện. Trên cơ sở đó, tác giả khuyến nghị một số giải pháp mà Nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội cần triển khai nhằm đảm bảo nguồn vốn cho phát triển hoạt động tín dụng chính sách xã hội trong thời gian tới, phù hợp với Chiến lược phát triển ngân hàng này đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Từ khóa: Nguồn vốn; Tín dụng chính sách xã hội; Việt Nam.

Đặt vấn đề

Tín dụng chính sách xã hội là một kênh hỗ trợ về nguồn vốn của Nhà nước đối với người nghèo và các đối tượng yếu thế trong xã hội thông qua hoạt động các khoản vay nhỏ với lãi suất thấp. Mục đích của Nhà nước khi triển khai loại hình tín dụng này là nhằm tạo thêm công cụ để thực hiện các mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội cũng như khắc phục khiếm khuyết của thị trường. Ở Việt Nam, hoạt động tín dụng chính sách xã hội trước đây được triển khai bởi một số cơ quan khác nhau như Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Từ khi Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) được thành lập (năm 2002), hoạt động tín dụng chính sách xã hội được Chính phủ giao cho ngân hàng này thực hiện.

Để triển khai hoạt động cho vay đối với các hộ nghèo và đối tượng chính sách xã hội khác thuộc đối tượng phục vụ của NHCSXH, bên cạnh nguồn vốn được Nhà nước cấp, ngân hàng này phải sử dụng nguồn vốn được tạo lập từ

nhiều kênh với thời hạn và chi phí không giống nhau. Tuy nhiên, do đặc điểm của các khoản tín dụng mà NHCSXH cung cấp là thường có thời hạn cho vay tương đối dài và lãi suất cho vay thấp, nên việc sử dụng các nguồn vốn có đặc điểm phù hợp đóng vai trò rất quan trọng trong việc đáp ứng yêu cầu triển khai các chương trình tín dụng mà Nhà nước giao cho ngân hàng này thực hiện.

Chính vì vậy, nghiên cứu giải pháp tạo lập nguồn vốn cho hoạt động tín dụng chính sách xã hội là một việc làm rất có ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay, nhất là khi Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của ngân hàng này được đặt ra khá cao.

1. Thực trạng nguồn vốn cho hoạt động tín dụng chính sách xã hội

1.1. Khung khổ pháp lý về tạo lập nguồn vốn của NHCSXH

NHCSXH được thành lập theo Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tổ chức lại Ngân

hàng Phục vụ người nghèo, cùng với việc ban hành chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ.

Theo Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ngân hàng này được sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau để thực hiện nhiệm vụ được giao. Theo đó, ngoài vốn điều lệ và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, NHCSXH được nhận tiền gửi có lãi hoặc không lãi từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nhận tiền gửi có trả lãi từ các tổ chức tín dụng nhà nước, và phát hành giấy tờ có giá (trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác). Cùng với đó, ngân hàng này cũng được đi vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Ngoài ra, NHCSXH cũng được nhận vốn đóng góp tự nguyện không hoàn trả của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, vốn uỷ thác cho vay của chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân.

Một trong những điểm khá đặc thù về cơ chế tạo lập nguồn vốn của NHCSXH, theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, là các tổ chức tín dụng nhà nước, bao gồm ngân hàng thương mại nhà nước và các tổ chức tín dụng nhà nước phi ngân hàng (công ty tài chính nhà nước, công ty cho thuê tài chính nhà nước, không bao gồm công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính trực thuộc của tổ chức tín dụng), có trách nhiệm duy trì số dư tiền gửi tại NHCSXH bằng 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31/12 năm trước. Lãi suất áp

dụng đối với loại tiền gửi này được xác định trên cơ sở lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung của các tổ chức tín dụng nhà nước cộng thêm phí huy động vốn do NHCSXH và các tổ chức tín dụng nhà nước thỏa thuận¹.

Ngoài việc nhận tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước như trên, NHCSXH còn được Chính phủ bảo lãnh khi phát hành trái phiếu để huy động vốn cho các chương trình tín dụng chính sách xã hội. Và do được Chính phủ bảo lãnh nên trái phiếu do NHCSXH có lãi suất phát hành tương đối thấp. Đây cũng là điểm khác biệt mà Nhà nước áp dụng cho các ngân hàng chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc tạo lập nguồn vốn phục vụ các hoạt động tín dụng mà Nhà nước giao cho các ngân hàng chính sách thực hiện.

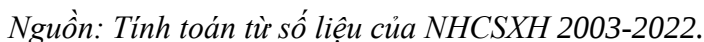
1.2. Tình hình tạo lập nguồn vốn của NHCSXH thời gian qua

Với khung khổ pháp lý về nguồn vốn hoạt động như đã trình bày ở trên, trong những năm qua, NHCSXH đã tạo lập được nguồn vốn có quy mô tương đối lớn để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội mà Nhà nước quy định (Hình 1). Thống kê cho thấy, nếu như trong năm đầu tiên đi vào hoạt động (2003), nguồn vốn của NHCSXH chỉ mới đạt 10.525 tỷ đồng thì đến năm 2022, tổng nguồn vốn của ngân hàng này đã tăng thêm 287.213 tỷ đồng, đạt 297.738 tỷ đồng. So với năm 2003 thì nguồn vốn năm 2022 của NHCSXH đã tăng hơn 28,3 lần. Tính bình quân trong giai đoạn 2003 - 2022, nguồn vốn của NHCSXH tăng trưởng với tốc độ 20,5%/năm, trong đó có những năm, nguồn vốn tăng trưởng với tốc độ rất cao, nhất là những năm đầu ngân hàng này mới đi vào hoạt động.

¹ Theo quy định của NHNN, mức phí này tối đa là 1,35%/năm (theo Thông tư số 04/2003/TT-NHNN ngày 24/02/2003 và Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày

19/11/2013). Từ ngày 11/02/2022, mức phí này được điều chỉnh xuống còn tối đa là 1,3%/năm (theo Thông tư số 21/2021/TT-NHNN ngày 28/02/2021).

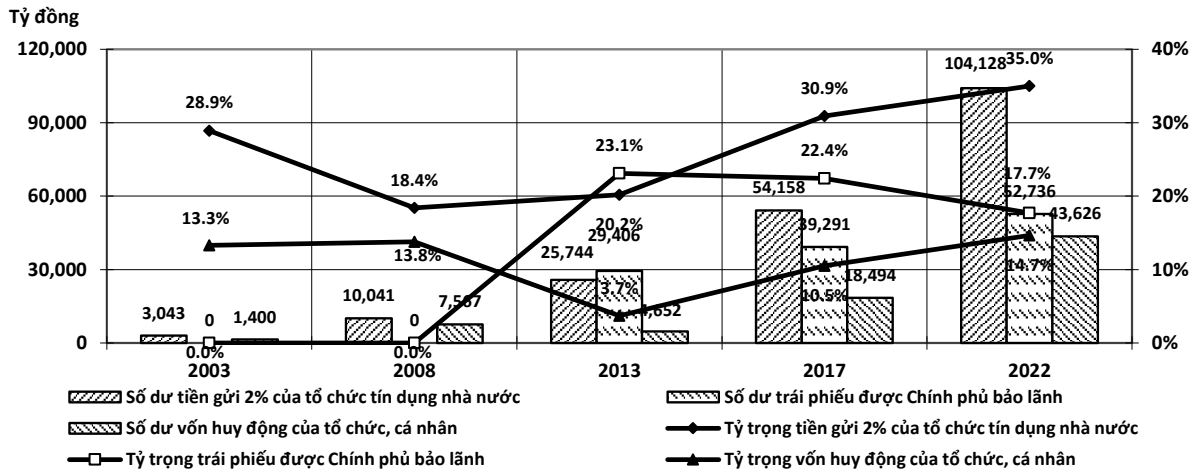
Tỷ đồng



phủ bảo lãnh, còn tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước và vốn huy động của các tổ chức, cá nhân mới chỉ có số dư lần lượt là 3.043 tỷ đồng và 1.400 tỷ đồng, tương ứng với tỷ trọng 28,9% và 13,3% trong tổng nguồn vốn của ngân hàng này. Đến hết năm 2022, tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước đã tăng gấp 34,22 lần, đạt 104.128 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 35% trong tổng nguồn vốn; còn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân tăng lên gấp 31,16 lần, đạt 43.626 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 14,7%. Cùng với đó, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cũng tăng tỷ trọng trong tổng nguồn vốn của NHCSXH từ 0% vào năm 2003 lên 17,7% vào năm 2022 (NHCSXH 2003-2022).

42

HÌNH 2. CÁC NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG THEO LÃI SUẤT THỊ TRƯỜNG CỦA NHCSXH

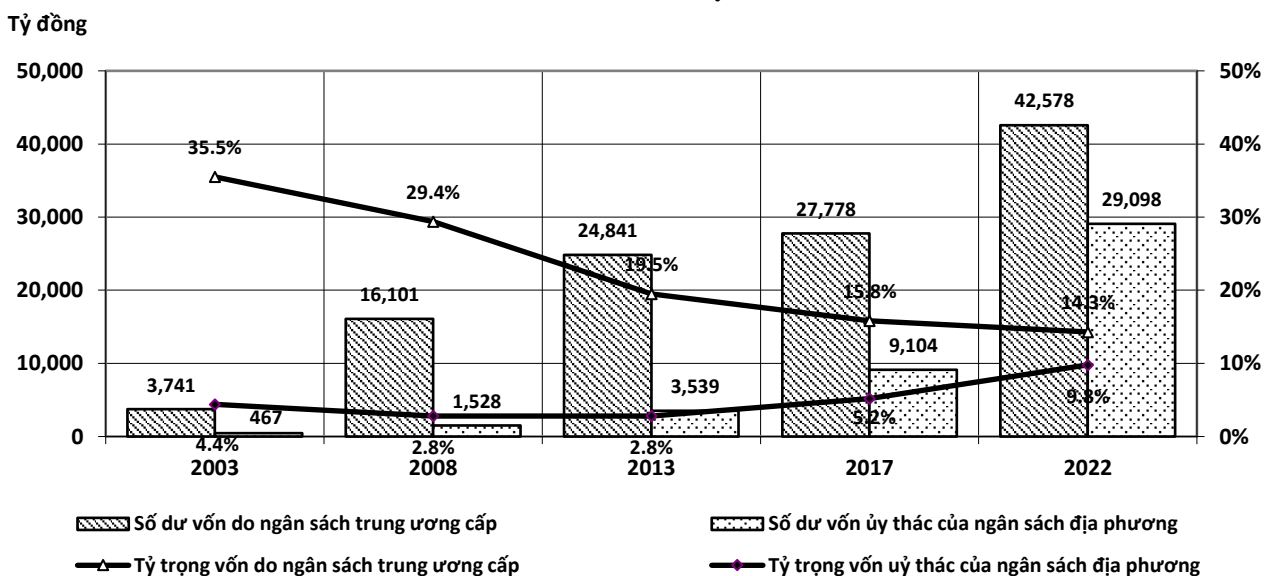


Nguồn: Tính toán từ số liệu của NHCSXH 2003-2022.

Bên cạnh các nguồn vốn huy động theo lãi suất thị trường, các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước là vốn do ngân sách trung ương cấp và vốn ủy thác của ngân sách địa phương cũng có đóng góp tương đối lớn, làm tăng tổng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội với tỷ lệ đóng góp lần lượt là 13,5% và 10%, tương ứng với số vốn tăng thêm là 38.837 tỷ đồng và 28.631 tỷ đồng. Theo số liệu của NHCSXH, trong giai đoạn 2003 - 2022, nguồn vốn do ngân sách trung ương cấp cho ngân

hàng này đã tăng gấp 11,38 lần, từ 3.741 tỷ đồng lên 42.578 tỷ đồng, còn nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương đã tăng gấp 63,31 lần, từ 467 tỷ đồng lên 29.098 tỷ đồng. Tuy nhiên, điều đáng nói là trong khi sự tăng trưởng về quy mô đã làm tỷ trọng nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương trong nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội tăng từ 4,4% vào năm 2003 lên 9,8% vào năm 2022 thì tỷ trọng nguồn vốn do ngân sách trung ương cấp trong các năm tương ứng lại giảm từ 35,5% xuống còn 14,3%.

HÌNH 3. NGUỒN VỐN DO NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CẤP VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ỦY THÁC TẠI NHCSXH

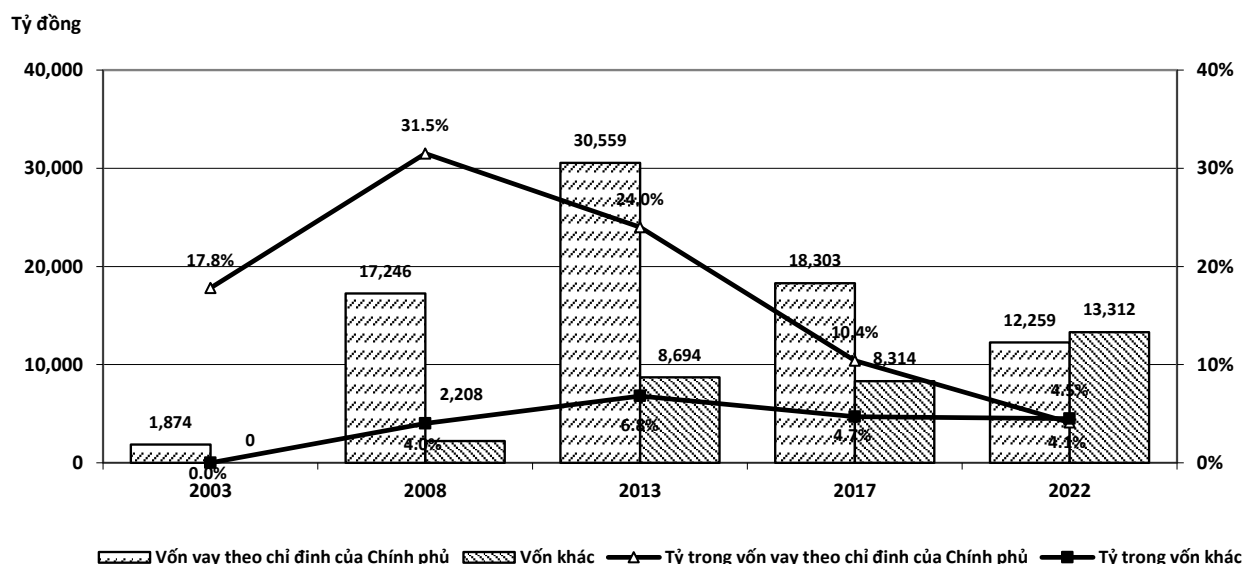


Nguồn: Tính toán từ số liệu của NHCSXH 2003-2022.

Ngoài những nguồn vốn có đóng góp lớn nói trên, các nguồn vốn còn lại của NHCSXH (gồm vốn vay theo chỉ định của Chính phủ và vốn khác) tuy cũng có sự tăng trưởng nhưng đóng góp không nhiều vào sự tăng trưởng chung của tổng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội. Thống kê cho thấy, nếu như năm 2003, số dư vốn vay theo chỉ định của Chính phủ tại NHCSXH là 1.874 tỷ đồng, chiếm 17,8% tổng nguồn vốn thì đến hết năm 2022, số dư nguồn vốn này đã tăng gấp 6,54 lần, đạt 12.259 tỷ

đồng song chỉ còn chiếm 4,1% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, các loại vốn khác tuy tăng trưởng lớn hơn so với vốn vay theo chỉ định của Chính phủ nhưng đến hết năm 2022 cũng chỉ chiếm tỷ trọng 4,5% trong tổng nguồn vốn của NHCSXH. Tính chung trong cả giai đoạn 2003 - 2022, vốn vay theo chỉ định của Chính phủ đã tăng 10.385 tỷ đồng và đóng góp 3,6% vào số vốn tăng thêm của NHCSXH, còn các loại vốn khác tăng 13.312 tỷ đồng và đóng góp 4,6% vào số vốn tăng thêm của ngân hàng này.

HÌNH 4. NGUỒN VỐN VAY THEO CHỈ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VÀ VỐN KHÁC TẠI NHCSXH



Nguồn: Tính toán từ số liệu của NHCSXH 2003-2022.

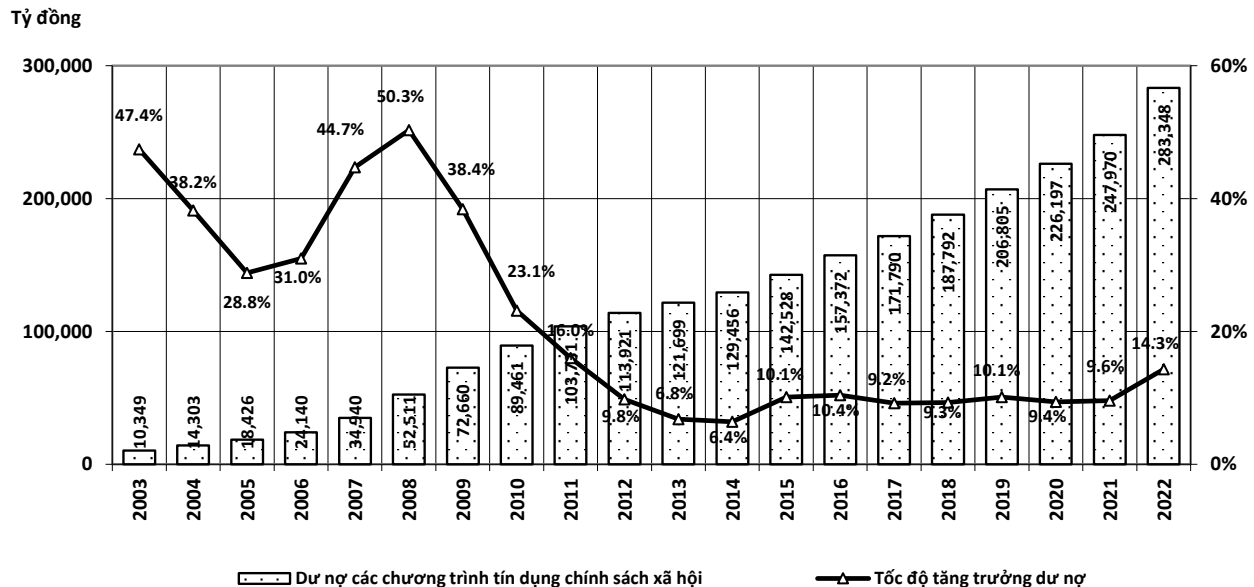
Sự tăng trưởng không ngừng về quy mô nguồn vốn trong những năm qua đã giúp cho NHCSXH có đủ nguồn lực để triển khai nhiều chương trình tín dụng dành cho người nghèo và các đối tượng yếu thế trong xã hội. Thống kê cho thấy, trong giai đoạn 2003 - 2022, NHCSXH đã từng bước phát triển hơn 20 chương trình tín dụng chính sách xã hội khác nhau, chia thành 4 nhóm: (i) chính sách tín dụng đầu tư cho hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế, tạo việc làm (gồm: chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; chính sách tín dụng phát triển kinh tế -

xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; chính sách tín dụng khác bằng nguồn vốn địa phương); (ii) chính sách tín dụng giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống (gồm: chính sách tín dụng góp phần trang trải chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; chính sách tín dụng đầu tư xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chính sách tín dụng giải quyết nhu cầu về nhà ở); (iii) chính sách tín dụng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, phục hồi, phát triển kinh tế xã hội (gồm: chính sách tín dụng hỗ trợ doanh

ngiệp trả lương cho người lao động; chính sách tín dụng hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội); (iv) chính sách tín dụng đối với các dự án nước ngoài. Đến hết năm 2022, tổng dư nợ của các chương trình tín dụng này đã lên đến

283.348 tỷ đồng, gấp gần 40,4 lần so với dư nợ tại thời điểm đầu năm 2003 (7.022 tỷ đồng). Tính bình quân trong giai đoạn 2003 - 2022, dư nợ tín dụng chính sách xã hội tăng trưởng 20,3%/năm.

HÌNH 5. DIỄN BIẾN DƯ NỢ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2003 - 2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của NHCSXH.

Với sự mở rộng không ngừng về quy mô cho vay như trên, các chương trình tín dụng chính sách xã hội đã tạo điều kiện cho khoảng 43 triệu lượt hộ nghèo và đối tượng chính sách khác được vay vốn với doanh số cho vay khoảng 830 nghìn tỷ đồng. Đến cuối năm 2022, có gần 6,5 triệu khách hàng là hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách đang còn dư nợ tại NHCSXH, trong đó gần 2,2 triệu khách hàng ở các xã vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi (chiếm 35,7%), gần 590 nghìn khách hàng ở các huyện nghèo (chiếm 10,9%) và hơn 1,4 triệu khách hàng là đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm 24,7%). Các chương trình tín dụng chính sách xã hội cũng đã giúp gần 28,7 triệu lượt khách hàng được vay hơn 611 nghìn tỷ đồng (chiếm 73,7% doanh số cho vay) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, khoảng 13,8 triệu lượt khách hàng được vay hơn 198 nghìn tỷ đồng (chiếm 23,9% doanh

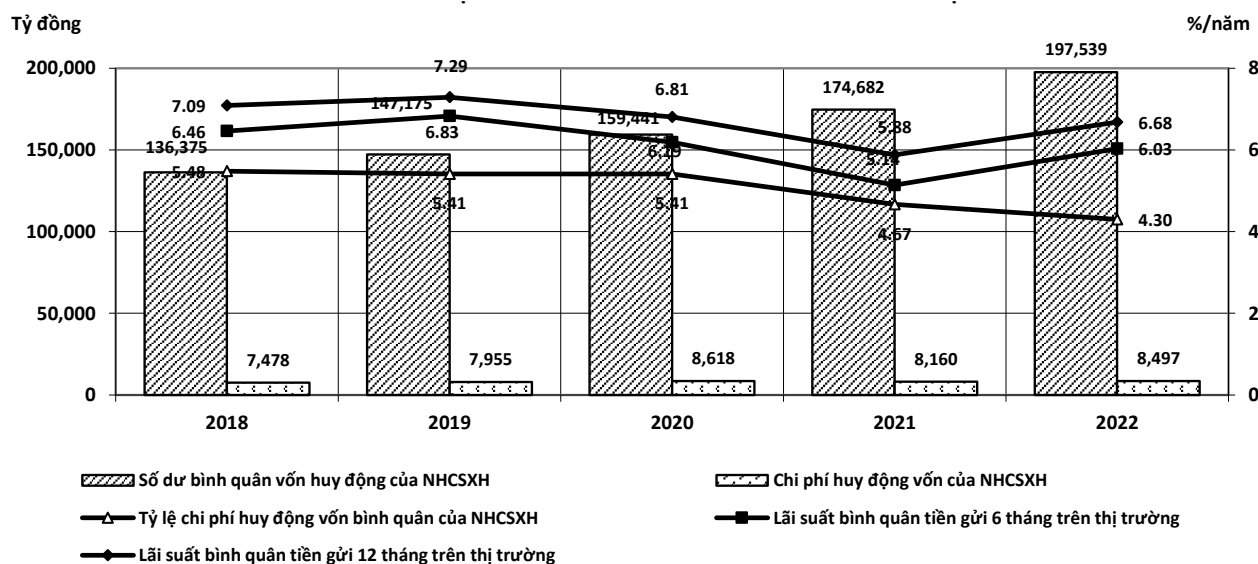
số cho vay) để giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu trong đời sống (xây dựng, sửa chữa nhà ở, mua/thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng nhà phòng chống bão lụt, xây dựng công trình cung cấp nước sạch, nhà vệ sinh, thanh toán chi phí học tập...). Đặc biệt, trong giai đoạn bùng phát đại dịch Covid-19, NHCSXH đã cho gần 280 nghìn lượt khách hàng vay gần 18 nghìn tỷ đồng để phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, đáp ứng yêu cầu về việc mở rộng các chương trình tín dụng chính sách xã hội như trên, việc tạo lập nguồn vốn của NHCSXH thời gian qua cũng có một số ưu điểm khác đáng ghi nhận như cơ cấu nguồn vốn ngày càng đa dạng với sự bổ sung của các hình thức huy động vốn mới như phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và nhận tiền gửi của tổ viên tổ tiết kiệm và vay vốn (từ năm 2005); một số nguồn vốn chi phí thấp và kỳ hạn dài (trái phiếu được

Chính phủ bảo lãnh, vốn ủy thác của địa phương) tăng trưởng mạnh cả về quy mô và tỷ trọng, phù hợp với yêu cầu về thời hạn và lãi suất cho vay của các chương trình tín dụng chính sách xã hội; nguồn tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước tăng trưởng tương đối đều đặn và ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng chính sách xã hội; tỷ trọng một số loại vốn huy động từ thị trường (tiết kiệm của dân cư, tiền gửi của tổ viên tổ tiết kiệm và vay vốn) có xu hướng tăng lên, tạo thêm sự chủ động cho

NHCSXH và giảm bớt phụ thuộc vào các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước... Thêm vào đó, tỷ lệ chi phí huy động vốn tính trên số vốn huy động của NHCSXH trong những năm gần đây cũng có xu hướng giảm dần và được kiểm soát ở mức thấp hơn đáng kể so với mặt bằng lãi suất huy động vốn trên thị trường. Điều đó cho thấy hiệu quả sử dụng chi phí trong việc tạo lập nguồn vốn ngày càng được nâng cao, góp phần giảm tỷ lệ cấp bù chênh lệch lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội².

HÌNH 6. CHI PHÍ HUY ĐỘNG VỐN CỦA NHCSXH GIAI ĐOẠN 2018 - 2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của NHCSXH 2018-2022, Niên giám Thống kê 2022.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực nói trên, hoạt động tạo lập nguồn vốn của NHCSXH thời gian qua cũng còn một số hạn chế, khó khăn như:

Cơ cấu nguồn vốn về thời hạn vẫn chưa thực sự phù hợp với yêu cầu về thời hạn cho vay của các chương trình tín dụng chính sách xã hội. Thống kê của NHCSXH cho thấy, trong cơ cấu nguồn vốn của ngân hàng này đến hết năm 2022

thì nguồn vốn kỳ hạn dài (trên 5 năm) chỉ chiếm tỷ trọng 41,8%, còn nguồn vốn ngắn và trung hạn chiếm tỷ trọng 58,2%, trong khi các chương trình tín dụng chính sách xã hội chủ yếu cho vay trung và dài hạn, thậm chí có chương trình cho vay đến 25 năm (như chương trình cho vay nhà ở xã hội).

Ngân sách trung ương một số năm không bố trí đủ kế hoạch để cấp vốn cho NHCSXH theo nhu cầu dự kiến, ảnh hưởng đến việc triển khai

² Theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH thì hằng năm, ngân hàng này được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý. Mức cấp bù chênh lệch lãi suất hằng năm được xác định trên cơ sở

chênh lệch giữa lãi suất hoà đồng các nguồn vốn với lãi suất cho vay theo quy định và phần phí quản lý được hưởng.

các chương trình tín dụng chính sách xã hội của ngân hàng này. Chẳng hạn, trong khi nhu cầu vốn được đề xuất cho chương trình tín dụng nhà ở xã hội tại NHCSXH giai đoạn 2016 - 2020 là 9.000 tỷ đồng, thì số vốn được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn này chỉ là 2.163 tỷ đồng, bằng 24% so với nhu cầu mà NHCSXH đề xuất.

Nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thường có kỳ hạn dài và lãi suất huy động thấp hơn so với các nguồn vốn khác có cùng thời hạn, song lại bị khống chế giới hạn phát hành theo yêu cầu của Bộ Chính trị³. Điều này một mặt ảnh hưởng đến việc mở rộng quy mô cho vay của các chương trình tín dụng chính sách xã hội trong trường hợp việc huy động vốn từ các nguồn khác gặp khó khăn, mặt khác có thể làm mất đi cơ hội huy động thêm nguồn vốn giá rẻ để cơ cấu lại danh mục nguồn vốn của NHCSXH trong trường hợp mặt bằng lãi suất trên thị trường giảm xuống.

Nguồn tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước giữ vai trò ngày càng quan trọng trong việc đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động tín dụng chính sách xã hội, song nguồn vốn này lại có chi phí khá cao bởi bên cạnh lãi suất huy động vốn, NHCSXH còn phải trả thêm phí huy động vốn cho các tổ chức tín dụng nhà nước theo thỏa thuận (hiện nay là 1,3%/năm). Điều này sẽ làm tăng đáng kể chi phí tạo lập nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội, do tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước chiếm tỷ trọng rất lớn trong nguồn vốn của NHCSXH.

Một số nguồn vốn do NHCSXH huy động trên thị trường (tiền gửi tiết kiệm của dân cư, tiền gửi của tổ viên tổ tiết kiệm và tiền gửi của các tổ chức, cá nhân khác) tuy có sự tăng trưởng về quy mô nhưng chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong

tổng nguồn vốn. Điều này sẽ làm hạn chế sự chủ động về nguồn vốn của NHCSXH và làm quy mô hoạt động tín dụng chính sách xã hội phụ thuộc vào nguồn vốn do các cơ quan, tổ chức khác quyết định (vốn do ngân sách trung ương cấp, vốn ủy thác của ngân sách địa phương, tiền gửi 2% của tổ chức tín dụng nhà nước...).

2. Một số vấn đề đặt ra trong tạo lập nguồn vốn cho phát triển hoạt động tín dụng chính sách hiện nay

Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định, tín dụng chính sách xã hội là giải pháp quan trọng thực hiện các chủ trương, chính sách, mục tiêu nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước về tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện công bằng xã hội và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cũng như phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tại Chiến lược nói trên, các mục tiêu và giải pháp tăng cường nguồn lực cho NHCSXH để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội cũng đã được Thủ tướng Chính phủ đặt ra, trong đó đáng chú ý là đến năm 2030, tỷ trọng một số nguồn vốn trong tổng nguồn vốn hoạt động của NHCSXH sẽ được nâng lên đáng kể so với hiện tại, như: vốn ngân sách nhà nước cấp (30%), trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (30%), vốn ủy thác của ngân sách địa phương (15%)... Cùng với đó, Chiến lược cũng xác định tiếp tục duy trì nguồn vốn tiền gửi 2% bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước, đồng thời đặt ra nhiệm vụ tăng cường huy động vốn trên thị trường thông qua các hình thức phát hành giấy tờ có giá, huy động vốn từ tiền gửi, tiền vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

³ Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền

vững, Bộ Chính trị đã đề ra chủ trương hạn chế tối đa cấp bảo lãnh chính phủ cho các khoản vay mới, khống chế hạn mức bảo lãnh cho hai ngân hàng chính sách tối đa bằng nghĩa vụ trả nợ gốc hằng năm.

Bên cạnh các mục tiêu và giải pháp về nguồn vốn, Chiến lược cũng đặt ra một số giải pháp về công nghệ ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội, trong đó bao gồm cả việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ với các tính năng hiện đại, chi phí hợp lý, phù hợp với đối tượng khách hàng của NHCSXH, đồng thời đầu tư nâng cấp, phát triển hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hoá ngành ngân hàng cũng như đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và nâng cao chất lượng hoạt động.

Với những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được đưa ra tại Chiến lược nói trên, có thể thấy rằng, việc đẩy mạnh các hoạt động tạo lập nguồn vốn trong thời gian tới là nhiệm vụ rất quan trọng trong việc đảm bảo thực hiện thành công Chiến lược phát triển NHCSXH cũng như các chương trình tín dụng chính sách xã hội mà Nhà nước giao cho ngân hàng này triển khai. Tuy nhiên, vì NHCSXH là một định chế tài chính đặc thù do Nhà nước thành lập và hoạt động của ngân hàng này phụ thuộc rất nhiều vào quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước (Chính phủ, NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư...), nên việc triển khai các giải pháp tạo lập nguồn vốn cho phát triển hoạt động tín dụng chính sách xã hội cần có sự hỗ trợ rất lớn của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan bên cạnh sự nỗ lực tự thân của NHCSXH.

Từ những nhận định như trên, kết hợp với kết quả phân tích thực trạng nguồn vốn hoạt động của NHCSXH trong thời gian qua, bài viết đề xuất một số giải pháp mà các cơ quan quản lý nhà nước và NHCSXH có thể xem xét triển khai nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn vốn cho phát triển hoạt động tín dụng chính sách xã hội trong thời gian tới như sau:

Một là, đối với các cơ quan quản lý nhà nước:

Ưu tiên bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn cũng như dự toán ngân sách nhà nước hằng

năm để cấp vốn điều lệ cho NHCSXH cũng như vốn thực hiện các chương trình tín dụng mà ngân hàng này triển khai phù hợp với nhu cầu thực tế.

Báo cáo Bộ Chính trị cho phép nâng hạn mức bảo lãnh chính phủ đối với hai ngân hàng chính sách lên mức lớn hơn nghĩa vụ trả nợ gốc hằng năm trong trường hợp cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu về vốn cho các chương trình tín dụng tại NHCSXH trong trường hợp việc huy động vốn từ các nguồn khác gặp khó khăn, đồng thời tạo điều kiện để ngân hàng này cơ cấu lại nguồn vốn khi mặt bằng lãi suất huy động vốn trên thị trường giảm xuống.

Nghiên cứu luật hóa các quy định về tạo lập nguồn vốn cho các ngân hàng chính sách nói chung và NHCSXH nói riêng trong quá trình xây dựng dự án Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi) theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 đã được Quốc hội thông qua.

Hai là, đối với NHCSXH:

Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ hiện đại vào việc thiết kế và triển khai các nghiệp vụ liên quan đến huy động vốn (bao gồm cả việc mở tài khoản thanh toán, gửi tiền, chuyển tiền...), trong đó đặc biệt chú trọng ứng dụng công nghệ định danh điện tử (eKYC) vào việc mở tài khoản, đồng thời nâng cao tính tiện ích của ứng dụng VBSP SmartBanking trên điện thoại thông minh nhằm đáp ứng yêu cầu của người dùng trong việc mở tài khoản, thanh toán và gửi tiền.

Tăng cường phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội tại địa phương đồng thời với việc đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá về hoạt động của NHCSXH cũng như các chương trình tín dụng chính sách xã hội nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ thành viên của các đoàn thể này cũng như dân cư trên những địa bàn mà NHCSXH đặt chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch, tạo tiền đề nâng tỷ trọng nguồn vốn này nhằm giảm bớt

phụ thuộc vào các nguồn vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước hoặc các tổ chức tín dụng nhà nước.

Mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm tìm kiếm cơ hội huy động các nguồn vốn có kỳ hạn dài

và chi phí thấp từ các tổ chức tài chính quốc tế, nhất là nguồn vốn từ các gói tín dụng có mục tiêu phù hợp với tín dụng chính sách xã hội từ các định chế tài chính đa phương (Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á...).

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2002). *Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững*.
3. NHCSXH (2011 - 2023). *Báo cáo thường niên 2010 – 2022*.
4. NHCSXH (2022a). *Bài giảng Lịch sử NHCSXH*. Truy cập ngày 16/7/2023 tại <https://vbsp.org.vn/wp-content/uploads/2022/07/B%C3%A0i-7.-L%E1%BB%8ACH-S%E1%BB%AC-NHCSXH.pdf>
5. NHCSXH (2022b). *Báo cáo tổng kết 20 năm triển khai thực hiện chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ*.
6. NHNN (2003). *Thông tư số 04/2003/TT-NHNN ngày 24/02/2003 hướng dẫn việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại NHCSXH*.
7. NHNN (2013). *Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày 19/11/2013 quy định việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại NHCSXH*.
8. NHNN (2021). *Thông tư số 21/2021/TT-NHNN ngày 28/02/2021 quy định về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại NHCSXH*.
9. Thủ tướng Chính phủ (2002a). *Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 về việc thành lập NHCSXH*.
10. Thủ tướng Chính phủ (2002b). *Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH*.
11. Thủ tướng Chính phủ (2023). *Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030*.
12. Tổng cục Thống kê (2023). *Niên giám Thống kê 2022*. Nxb Thống kê, Hà Nội.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Cảnh Hiệp, TS.

- Đơn vị công tác: Ngân hàng Phát triển Việt Nam
- Địa chỉ email: canhhiiep.vdb@gmail.com

Ngày nhận bài: 23/8/2023

Ngày nhận bản sửa: 15/10/2023

Ngày duyệt đăng: 22/11/2023